

Số: 3282/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 28 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận sáng kiến năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng số 15/2003/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 47/2005/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2013 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 4/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục;

Căn cứ Công văn số 2851/BGDĐT-TĐKT ngày 12/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xét, công nhận sáng kiến; phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học làm cơ sở xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hàng năm;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2863/QĐ-ĐHV ngày 02/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về sáng kiến và xét công nhận sáng kiến của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 3100/QĐ-ĐHV ngày 12/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh thành lập Hội đồng xét sáng kiến năm 2022;

Căn cứ Công văn số 1637/ĐHV-HCTH ngày 22/12/2022 về việc thông báo kết quả xét sáng kiến năm 2022

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng sáng kiến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 113 sáng kiến năm 2022 của các cá nhân thuộc Trường Đại học Vinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Hành chính Tổng hợp, Kế hoạch - Tài chính; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy, Hội đồng trường;
- Lưu: HCTH.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng



DANH SÁCH SÁNG KIẾN NĂM 2022

Lĩnh vực: Đào tạo, giảng dạy

(Kèm theo Quyết định số **3282/QĐ-ĐHV** ngày **28/12/2022** của Trường Đại học Vinh)

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
1.	Tổ chức, quản lý các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, cấp chứng chỉ, chứng nhận cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục	TS. Phạm Lê Cường , Phó Hiệu trưởng Trường Sư phạm	
2.	Các giải pháp đổi mới phương pháp dạy học phát triển năng lực người học	TS. Bùi Thị Cần , Phó Trưởng khoa GDCT (2) (70%)	
3.	Phát triển chương trình đào tạo, biên soạn tài liệu, quảng bá tuyển sinh	TS. Bùi Thị Cần , Phó Trưởng khoa GDCT (3) (70%)	
4.	Biên soạn Bài tập Hoá học 10	PGS.TS. Cao Cự Giác , Phó Trưởng khoa Hoá học (30%)	
5.	Biên soạn giáo trình Sau đại học: Cơ sở toán học của việc dạy học Toán ở tiểu học	TS. Nguyễn Thị Châu Giang , Phó trưởng khoa Tiểu học (100%)	
6.	Nghiên cứu rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học theo tiếp cận CDIO	TS. Chu Thị Hà Thanh , Phó Trưởng khoa Tiểu học (50%)	
7.	Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Giáo dục tiểu học.	TS. Nguyễn Tiến Dũng , Khoa Giáo dục Tiểu học (50%)	
8.	Nghiên cứu Tinh dầu và hoạt tính sinh học của tinh dầu một số loài trong họ Gừng (<i>Zingiberaceae</i> Martinov) ở Việt Nam.	PGS.TS. Lê Thị Hương , Giảng viên cao cấp, Khoa Sinh học (45%)	
9.	Giáo trình Quản trị nhân lực	TS. Hồ Thị Diệu Ánh , Trưởng Khoa QTKD (50%)	
10.	Nghiên cứu rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo ngành Kế toán theo tiếp cận CDIO	TS. Phạm Thị Thúy Hằng , Trưởng khoa Kế toán (70%)	
11.	Sách chuyên khảo: Giải thích hợp đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam - Nghiên cứu so sánh.	TS. Phạm Thị Huyền Sang , Trưởng khoa Luật Kinh tế, (30%); TS. Hà Thị Thúy ,	

(Handwritten signature)

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
		Giảng viên khoa Khoa Luật Kinh tế, Trường KHXH&NV (70%)	
12.	Giải pháp xây dựng thực hiện biên soạn bài giảng E-learning (cấp độ 2) cho học phần Luật hành chính	TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc , Giảng viên khoa Luật học, Trường KHXH&NV (50%)	
13.	Giải pháp xây dựng thực hiện biên soạn bài giảng E-learning (cấp độ 2) cho học phần Lý luận về Nhà nước và pháp luật	TS. Nguyễn Văn Đại , Phó trưởng Khoa (40%); TS. Ngô Thị Thu Hoài , giảng viên (30%); TS. Cao Thị Ngọc Yến , giảng viên Khoa Luật học, Trường KHXH&NV (30%)	
14.	Xây dựng hoàn chỉnh đề cương bài giảng theo tiếp cận năng lực gắn với phương thức đào tạo trực tuyến đối với hệ Từ xa ngành Luật	TS. Nguyễn Thị Hà , Giảng viên khoa Luật học	
15.	Xây dựng hoàn chỉnh đề cương bài giảng theo tiếp cận năng lực gắn với phương thức đào tạo trực tuyến đối với hệ Từ xa ngành Luật	TS. Đinh Văn Liêm , Trưởng khoa Luật học	
16.	Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Nuôi trồng thủy sản theo tiếp cận CDIO	TS. Phạm Mỹ Dung , Giảng viên, Viện NN&TN (40%)	
17.	Chương trình đào hệ Đại học chính quy tiếp cận CDIO ngành Sư phạm Tiếng Anh tài năng	TS. Nguyễn Thị Kim Anh , Trưởng khoa (50%); TS. Hoàng Tăng Đức , Trưởng bộ môn Khoa Sư phạm Ngoại ngữ (50%)	
18.	Báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tiếng Anh trình độ đại học	TS. Nguyễn Thị Kim Anh , Trưởng khoa (30%); ThS. Trần Thị Khánh Tùng , giảng viên Khoa Sư phạm Ngoại ngữ (30%)	
19.	Xây dựng hệ thống học liệu điện tử môn tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ cấp độ A2+	ThS. Trần Thị Phương Thảo , Phó trưởng Bộ môn, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ (40%)	
20.	Xây dựng hệ thống học liệu điện tử môn tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ cấp độ B1-	TS. Lê Thị Tuyết Hạnh , Trưởng Bộ môn, Khoa SP Ngoại ngữ (30%)	
21.	Xây dựng hệ thống học liệu điện tử môn tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ cấp độ B1	ThS. Võ Thị Hồng Minh ; Phó Trưởng Bộ môn, Khoa SP Ngoại ngữ (40%)	
22.	Giáo trình Ngữ âm - Âm vị Tiếng Anh.	TS. Trần Bá Tiến , Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh (45%)	



TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
23.	Mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo, bản mô tả chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, áp dụng tại Trường Đại học Vinh	PGS.TS Trần Ngọc Long , Trưởng khoa xây dựng (60%); ThS. Trần Xuân Vinh , P. Trưởng bộ môn xây dựng (40%)	
24.	Một số biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn phòng chống bạo lực học đường trong trường THCS	TS. Phan Xuân Phồn , Hiệu trưởng Trường TH, THCS và THPT THSP	
25.	Một số biện pháp phòng chống bạo hành tinh thần trẻ mầm non trong gia đình	Phan Thị Nhàn , Giáo viên Trường Mầm non Thực hành	
26.	Một số biện pháp phối hợp với phụ huynh nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo	Nguyễn Thị Hồng , Giáo viên Trường Mầm non Thực hành	
27.	Một số biện pháp tổ chức tốt hoạt động nhận biết tập nói cho trẻ 24-36 tháng theo hướng trải nghiệm	Trương Thị Hường , Giáo viên Trường Mầm non Thực hành	
28.	Biện pháp tạo hứng thú cho trẻ nhà trẻ đến trường mầm non	ThS. Dương Thị Nga , Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non Thực hành	
29.	Đo lường, đánh giá mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	GS.TS. Nguyễn Huy Bằng , Hiệu trưởng (50%); PGS.TS. Nguyễn Thanh Diệu , Phó Giám đốc phụ trách, Trung tâm ĐBCL (30%)	
30.	Một số giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn GDQP&AN tại Trung tâm GDQP&AN Trường ĐH Vinh đáp ứng yêu cầu xã hội và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới	Thượng tá, ThS Trần Văn Thông , Phó GD Trung tâm GDQP&AN, Trưởng khoa GDQP	
31.	Sách giáo khoa Toán 10 và Chuyên đề học tập Toán 10	Phạm Xuân Chung , Hiệu trưởng Trường THPT Chuyên	
32.	Bài toán tìm Đa thức	Lê Xuân Sơn , Phó Hiệu trưởng Trường THPT Chuyên	
33.	Phân loại và phương pháp giải nhanh bài tập Hóa học 10	Quách Văn Long , Giáo viên Trường THPT Chuyên	
34.	Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua dạy học chuyên đề Khí thực cho học sinh lớp chuyên Vật lý	Thái Đình Trung , Giáo viên Trường THPT Chuyên	
35.	Bồi dưỡng HSG đạt giải Nhì, Ba Quốc gia môn Vật lý	Lê Đức Sửu , Giáo viên Trường THPT Chuyên	

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
36.	Bồi dưỡng HSG đạt giải Nhì, Ba Quốc gia môn Toán; giải Ba Olympic HSSV toàn quốc môn Toán	Phan Viết Bắc , Giáo viên Trường THPT Chuyên	
37.	Bồi dưỡng HSG đạt giải Nhì, Ba Quốc gia môn Toán	Lê Khánh Hưng , Giáo viên Trường THPT Chuyên	
38.	Bồi dưỡng HSG đạt giải Nhì, Ba Quốc gia môn Sinh học	Nguyễn Thanh Huyền , Giáo viên Trường THPT Chuyên	

Danh sách có 38 sáng kiến./.



DANH SÁCH SÁNG KIẾN NĂM 2022

Lĩnh vực: Nghiên cứu khoa học

(Kèm theo Quyết định số 3282/QĐ-ĐHV ngày 28 /12/2022 của Trường Đại học Vinh)

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
1.	Bồi dưỡng năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán cho học sinh thông qua dạy học nội dung Hình học lớp 6.	PGS.TS. Nguyễn Chiến Thắng - Phó Trưởng khoa Toán (70%)	
2.	Thiết kế tư liệu học tập nhằm phát triển tư duy không gian cho học sinh thông qua môn Địa lý ở trường phổ thông Việt Nam.	TS. Nguyễn Thị Việt Hà, Phó trưởng khoa Địa lý (70%)	
3.	Đồng bằng sông Hồng: yêu cầu cấp bách về phát triển bền vững	TS. Nguyễn Thị Hoài, Phó Trưởng khoa Địa lý (50%)	
4.	Nghiên cứu hoạt tính oxi hóa của hợp chất cynandion A bằng phương pháp hóa lượng tử	TS. Phan Thị Thùy, Giảng Viên - Khoa Hóa học (50%)	
5.	Các kết quả ổn định cho phương trình truyền nhiệt ngược thời gian với hệ số phụ thuộc thời gian trong không gian Banach $L_p(\square)$.	PGS.TS. Nguyễn Văn Đức, Giảng viên Khoa Toán (40%)	
6.	Xây dựng bài tập phát triển năng lực vật lý cho học sinh trong dạy học chủ đề “Khí lý tưởng” (Vật lý 12)	PGS.TS. Nguyễn Thị Nhị, Phó Trưởng khoa Vật lý (40%)	
7.	Phát siêu liên tục trong sợi tinh thể quang tử lõi Benzen với các mạng khác nhau	PGS.TS. Chu Văn Lanh, Trưởng khoa Vật lý (30%)	
8.	Tạo chuyển mạch toàn quang dựa trên hiệu ứng trong suốt cảm ứng điện từ của môi trường khí nguyên tử ba mức năng lượng.	TS. Lê Văn Đoàn, Giảng viên khoa Vật lý (30%)	
9.	Sử dụng bài tập thực tiễn để phát triển năng lực vận dụng kiến thức trong dạy học chuyên đề “Sinh trưởng và phát triển ở động vật” cho học sinh hệ chuyên Sinh.	TS. Nguyễn Thanh Mỹ, GD Trung tâm BDNVSP (75%)	
10.	Một số kết quả về bất đẳng thức cực đại và luật số lớn đối với mảng các hàm nửa liên tục trên ngẫu nhiên liên kết âm theo mức và phụ thuộc âm đôi một theo mức.	TS. Dương Xuân Giáp, Phó Trưởng Toán học (40%)	

Handwritten signature

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
11.	Nghiên cứu cấu trúc và tính chất từ của hợp kim từ cứng không chứa đất hiếm nền Co-Zr chế tạo bằng phương pháp nguội nhanh và nghiền cơ năng lượng cao.	PGS.TS. Lưu Tiến Hưng , Hiệu trưởng Trường Sư phạm (30%)	
12.	Essential Oils Compositions and Antimicrobial Activity of the leaves and rhizomes of <i>Alpinia calcicola</i> from Vietnam.	TS. Lê Duy Linh , P. Giám đốc Trung tâm BDNVSP (40%)	
13.	Ảnh hưởng của pha và phân cực của các trường laser lên phi tuyến Kerr của môi trường trong suốt cảm ứng điện từ có mở rộng Doppler.	GS.TS. Đinh Xuân Khoa , Giảng viên cao cấp Khoa Vật lý (100%)	
14.	The impact of sharing culture opportunistic behavior and effectiveness of employee management: A case study in Vietnam 6 (Journal of Asian Finance (2022) 0423-0445 (ESCI)	TS. Hồ Thị Diệu Ánh , Trưởng Khoa QTKD (50%)	
15.	Factors affecting the linkage between public universities, in the context of university autonomy: Case study in Vietnam, International Journal of Data and Network Science (Scopus/Q2).	TS. Trần Quang Bách , Phó trưởng Khoa QTKD (60%)	
16.	How temperature shocks impact energy poverty in Vietnam: mediating role of financial development and environmental consideration, Environmental Science and Pollution Research, 29, 56114-56127 (2022), ISI (SCIE), IF = 2,55; H = 113, ISSN/eISSN: 0944 - 1344/1614 - 7499; https://link.springer.com/article/10.1007/s11356-022-19672-3 .	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Phượng , Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế (80%)	
17.	Phát triển kinh tế số ở Nghệ An: thực trạng và một số giải pháp tiền đề	TS. Nguyễn Thị Hải Yến , Giảng viên khoa Kinh tế (50%)	
18.	Technical Efficiency of Smallholder Banana Production: A Case study in Viet Nam, AgBioForum, 24(2), 58-64 (2022), Scopus Q2 ,H-index:42,ISSN/eISSN:1522936X; Link: https://agbioforum.org/menuscript/index.php/agb/article/view/125/75	PGS.TS. Thái Thị Kim Oanh , Phó Hiệu trưởng Trường Kinh tế (80%)	
19.	Nghiên cứu khoa học (Bài báo khoa học đăng trên tạp chí The Journal of Asian Finance, Economics and Business Volume 9 Issue 9, trang 49-59 https://doi.org/10.13106/jafeb.2022.vol9.no9.0049	ThS. Bành Thị Thảo , Giảng viên khoa TCNH (35%)	

b

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
20.	Research Factors Affecting Students' Academic Results In Learning Project Subjects Oriented CDIO In Vinh University.	ThS. Nguyễn Thanh Huyền , Giảng viên khoa TCNH (30%); ThS. Hoàng Thị Thúy Vân , TTDVHTSV&QHDN (40%)	
21.	The Impact of Technology Transfer on Economic Development in the 4.0 Era: Empirical Evidence from the Agriculture and Rural Sector in Vietnam, Journal of Asian Finance, Economics and Business, 9(5): 261-272, 2022 (ESCI).	ThS. Nguyễn Thị Yến , Giảng viên khoa TCNH (70%)	
22.	Thực trạng các quy định pháp lý về kế toán hàng hóa kho bảo thuế và kho ngoại quan ở Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Thanh Hòa , Phó Trường Khoa Kế toán	
23.	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật “Pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em và phòng, chống bạo lực đối với trẻ em”.	TS. Phạm Thị Huyền Sang , Trưởng khoa Luật Kinh tế (40%); TS. Nguyễn Thị Thanh , giảng viên khoa Luật Kinh tế (30%); TS. Trần Thị Vân Trà , giảng viên khoa Luật Kinh tế (30%)	
24.	Xét xử sơ thẩm vụ án hành chính ở Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Hà , giảng viên khoa Luật học	
25.	Chính sách của các nước lớn đối với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và tác động của nó đối với khu vực: vận dụng để nâng cao chất lượng dạy học các học phần, chuyên đề về quan hệ quốc tế	TS. Hắc Xuân Cảnh , Khoa Chính trị và báo chí, Phó Hiệu trưởng Trường KHXXNV (100%)	
26.	Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương Mở và Tự do của Mỹ và tác động đối với Việt Nam: vận dụng để nâng cao chất lượng dạy học các học phần chuyên ngành Chính trị học	TS. Nguyễn Thị Lê Vinh , giảng viên Khoa chính trị và Báo chí (1) (60%)	
27.	“Chính sách an ninh khu vực của Việt Nam trong bối cảnh Pháp xoay trục sang châu Á: vận dụng để nâng cao chất lượng dạy học các học phần chuyên ngành Chính trị học và Quản lý nhà nước”	TS. Nguyễn Thị Lê Vinh , giảng viên Khoa chính trị và Báo chí (2) (50%)	
28.	Nghiên cứu chế tạo chế phẩm nhũ tương nano từ tinh dầu lá Trầu không (Piper betle L.) ứng dụng phòng bệnh hoại tử gan tụy cấp tính AHPND ở tôm.	TS. Lê Minh Hải , Phó viện trưởng, Viện NN&TN (80%)	

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
29.	Xây dựng quy trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá Măng (Chanos chanos Forsskal, 1775)	TS. Tạ Thị Bình , Giảng viên (40%); TS. Nguyễn Đình Vinh , Viện trưởng Viện NN&TN(30%)	
30.	Thành phần loài và đặc điểm gây hại của ngài chích hút quả trên cam tại Nghệ An	TS. Thái Thị Ngọc Lam , Giảng viên Viện NN&TN (80%)	
31.	Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất chế phẩm Trichoderma phòng trừ bệnh vàng lá - thối rễ trên cây có múi	TS. Nguyễn Thị Thúy , Giảng viên, Viện NN&TN (30%)	
32.	An integrated approach of GIS-AHP-MCE Methods for the selection of suitable sites for the shrimp farming and mangrove development- A case study of the coastal area of Vietnam	PGS.TS.Trần Thị Tuyền , Trưởng Bộ môn Viện NN&TN (55%)	
33.	Ảnh hưởng của giá thể và mật độ trồng đến năng suất và chất lượng dâu tây trồng trong điều kiện nhà màng	TS. Nguyễn Hữu Hiền , Trưởng bộ môn Viện NN&TN (80%)	
34.	A Heuristic Repair Algorithm for the Hospitals/Residents problem with Ties (Một giải thuật Heuristic cho bài toán HR kết hợp với danh sách xếp hạng có thứ tự ưu tiên ngang bằng nhau (ties))	TS. Cao Thanh Sơn , PGĐ TT NC và chuyển giao công nghệ GD số, Viện NC&ĐTTT (40%); PGS.TS. Hoàng Hữu Việt , Phó Viện trưởng Viện KT&CN (40%)	
35.	Sử dụng “dạy học theo góc” nhằm phát triển năng lực tự học cho học sinh trong dạy học phần “Chuyển hóa vật chất và năng lượng” - Sinh học 11.	TS. Phạm Thị Hương , Giám đốc TTSX Học liệu (50%)	
36.	Ảnh hưởng của vật liệu che phủ đến khả năng sinh trưởng và năng suất của cây lạc trên vùng đất cát ven biển Nghệ An.	TS. Nguyễn Công Thành , Giám đốc TT NC&CGCNGDS, Viện NC&ĐTTT (50%)	
37.	Nghiên cứu, đề xuất áp dụng thuật toán trí tuệ nhân tạo xác định vận tốc giới hạn cho xe chạy trên cầu dầm thép xem xét sự xuống cấp của cầu khi bị ăn mòn.	PGS.TS Trần Ngọc Long , Trưởng khoa xây dựng (40%); TS. Nguyễn Trọng Hà , Trưởng BM cầu đường (30%) ThS. Lê Việt Đồng , Tổ trưởng - TT TH-TN (30%)	
38.	Xây dựng thuật toán và lập trình tính toán thiết kế tối ưu hóa dự trên độ tin cậy dầm thép liên hợp thép-bê tông bằng thuật toán Genetic Algorith và mô phỏng Monte Carlo.	TS. Nguyễn Trọng Hà , Trưởng BM Cầu đường (40%); TS Lê Thanh Hải , P. Trưởng khoa xây dựng (30%); ThS.	

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
		Nguyễn Duy Khánh , Phó TBM cầu đường (30%)	
39.	Vận dụng thành ngữ, tục ngữ thực hiện hành động nhận xét đánh giá qua lời thoại nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng	TS. Đặng Thị Thu , Trưởng Phòng CTCT-HSSV	
40.	Composition and antioxidant activity of leaf essential oil of two Litsea species from Vietnam. Chemistry of Natural Compounds	ThS. Nguyễn Tiến Cường , Chuyên viên Phòng ĐT SĐH (40%); PGS.TS. Mai Văn Chung , TP KH&HTQT (40%)	
41.	Nghiên cứu rà soát, cập nhật CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông theo tiếp cận CDIO	TS. Phan Văn Tiến (1) , Phó Trưởng phòng, Phòng KH&HTQT (40%)	
42.	Machine Learning Models for Predicting Shear Strength and Identifying Failure Modes of Rectangular RC Columns	TS. Phan Văn Tiến (2) , Phó Trưởng phòng, Phòng KH&HTQT (35%)	
43.	Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật nhiệt (chuyên ngành Nhiệt - Điện lạnh) theo tiếp cận CDIO	TS. Đỗ Mai Trang , Chuyên viên Phòng KH&HTQT (65%)	
44.	Seasonal Variation and Its Impacts in rice-growing regions of the Mekong Delta.	PGS.TS. Hoàng Phan Hải Yến , Giảng viên cao cấp, Trung tâm ĐBCL (50%)	
45.	Các giải pháp thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ để phát triển lực lượng sản xuất ở Việt Nam hiện nay.	PGS.TS. Đinh Trung Thành , Giám đốc Trung tâm GDTX	
46.	Nâng cao năng lực của cố vấn học tập ở các trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật theo khung năng lực	TS. Phùng Quang Dương , Trưởng VP Đại diện tại Thanh Hóa (55%)	
47.	Phân tích thực trạng các năng lực thực hành thí nghiệm (THTN) của sinh viên Sư phạm Hóa học theo tiếp cận CDIO qua việc khảo sát ý kiến chuyên gia	ThS. Lê Thị Thu Hiệp , Phó Giám đốc Trung tâm THTN	
48.	Ghi nhận mới của loài <i>Cyrtodactylus cattienensis</i> Geissler, Nazarov, Orlov, Bohme, Phung, Nguyen & Zeigler, 2009 (Squamata: Sauria: Gekknidae) ở Khu bảo tồn thiên nhiên Núi Ông, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	ThS. Lê Thị Hồng Lam , Tổ trưởng, Trung tâm THTN	
49.	Nhìn lại quan hệ hợp tác kinh tế giữa Nghệ An (Việt Nam) với Xiêng Khoảng (Lào) từ năm 2010 đến năm 2020	TS. Nguyễn Anh Chương , Thư ký Hội đồng trường	
50.	Applying Flipgrid-Based Portfolio to Improve Vietnamese EFL High School Students' Speaking Scores, 3L: Language, Linguistics,	TS. Lê Thị Tuyết Hạnh , Trưởng Bộ môn, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ (60%)	

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
	Literature® The Southeast Asian Journal of English Language Studies, 27 (4), 85-100.		
51.	So sánh hoạt độ xúc tác quang giữa các hạt nano FeS ₂ , FeS ₂ pha tạp Ni và hỗn hợp FeS ₂ / rGO không pha tạp chất	PGS.TS. Nguyễn Hồng Quảng, Giám đốc Nhà xuất bản	

Danh sách có 51 sáng kiến./.



DANH SÁCH SÁNG KIẾN NĂM 2022

Lĩnh vực: Lãnh đạo, quản lý, tham mưu, phục vụ

(Kèm theo Quyết định số **3282** /QĐ-ĐHV ngày **28** /12/2022 của Trường Đại học Vinh)

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
1.	Các giải pháp nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác xây dựng Đảng	TS. Bùi Thị Cần , Phó Trưởng khoa GDCT (80%)	
2.	Giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ công đoàn không chuyên trách ở Trường Đại học Vinh	TS. Lê Thục Anh , Giảng viên, Khoa TLGD (50%)	
3.	Quy định về đào tạo trình độ đại học hình thức từ xa	TS. Nguyễn Anh Dũng , Viện trưởng, Viện NC&ĐTTT (50%); TS. Nguyễn Hoàng Dũng , Phó trưởng Khoa Đào tạo trực tuyến (50%)	
4.	Xây dựng Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Trường khóa XXXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025	TS. Đậu Đức Anh , Phó CVP Đảng-HĐT-ĐT (30%); PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Cúc , Phó Hiệu trưởng (30%); TS. Trần Bá Tiến , Phó Hiệu trưởng (40%)	
5.	Xây dựng Hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ	ThS. Nguyễn Quang Tuấn , CVP Đảng-HĐT-ĐT (40); TS. Nguyễn Ngọc Hiền , Bí thư Đảng ủy - CT HĐT (30); PGS.TS. Nguyễn Hoa Du , PCT HĐT (30)	
6.	Giải pháp hỗ trợ người học trong bối cảnh chuyển đổi số tại trường Đại học Vinh	TS. Đặng Thị Thu , Trưởng phòng CTCT-HSSV (1) (80%)	
7.	Công tác phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu kích động lôi kéo sinh viên tham gia các hội, nhóm trái pháp luật biểu tình, gây rối trật tự công cộng tại Trường Đại học Vinh	TS. Đặng Thị Thu , Trưởng phòng CTCT-HSSV (2) (80%)	

h

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
8.	Một số giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin và mạng xã hội trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên thanh niên	ThS. Nguyễn Thị Hà Giang , Phó trưởng phòng CTCT-HSSV	
9.	Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường Đại học Vinh	ThS. Nguyễn Hồng Soa , Trưởng phòng HCTH (30%); TS. Lê Minh Giang , Phó Trưởng phòng (40%); ThS. Hoàng Hà Nam , Trưởng bộ phận (30%)	
10.	Một cửa trực tuyến Trường Đại học Vinh	ThS. Lương Hồng Phong , Phó Trưởng phòng HCTH	
11.	Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Trường Đại học Vinh.	PGS.TS. Nguyễn Văn Phú , Trưởng phòng TTr-PC (40%); ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Nga , Chuyên viên (30%); ThS. Đậu Thị Kim Chung , Chuyên viên (30%)	
12.	Quản lý, tăng cường CSVC, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Đại học Vinh	ThS. Trần Đình Luân (60%), Trưởng phòng QT&ĐT; ThS. Thái Minh Phúc (40%), Chuyên viên Phòng QT&ĐT	
13.	Sử dụng phương pháp nội suy lập nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án	ThS. Thái Minh Phúc , Chuyên viên Phòng QT&ĐT	
14.	Về việc thực hiện chế độ chính sách cho giảng viên và cán bộ quản lý	TS. Thiều Đình Phong ; Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ (50%); ThS. Phạm Thị Thanh Vân ; Chuyên viên Phòng Tổ chức Cán bộ (50%)	
15.	Bồi dưỡng giảng viên sư phạm ở Trường Đại học Vinh theo định hướng phát triển năng lực - thực trạng và giải pháp	ThS. Nguyễn Thị Xuân Lộc , Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức Cán bộ	
16.	Vị trí việc làm của chuyên viên trường đại học	TS. Phạm Đình Mạnh , Chuyên viên Phòng Tổ chức Cán bộ	
17.	Kế hoạch ứng phó với tình huống dịch bệnh COVID-19 lây lan trong Trường Đại học Vinh	BS. Thái Thị Tân , Trưởng Trạm Y tế (70%); BS. Nguyễn Thị Hiền , (30%) Trạm Y tế	

ds

TT	Tên sáng kiến	Tác giả/Đồng tác giả	Ghi chú
18.	Quy định về hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Vinh.	TS. Nguyễn Thanh Diệu , Phó Giám đốc TT ĐBCL (50%); CN. Nguyễn Hoàng An , Chuyên viên TT ĐBCL (30%)	
19.	Hướng dẫn Công tác kiểm tra đánh giá trực tuyến	ThS. Nguyễn Thị Hương Trà , Phó Giám đốc TT ĐBCL (60%); ThS. Lê Việt Dũng , chuyên viên TT ĐBCL (40%)	
20.	Quy định đối sánh chất lượng giáo dục của Trường Đại học Vinh	ThS. Đinh Thị Nga , Chuyên viên, Trung tâm ĐBCL (50%); PGS.TS. Hoàng Phan Hải Yên , Giảng viên cao cấp, Trung tâm ĐBCL	
21.	Quy trình kiểm tra quan trắc môi trường nước thải.	ThS. Nguyễn Thế Tân , P. Giám đốc Trung tâm THPT	
22.	Giải pháp sử dụng mã vạch QR Code (Quick response code) vào việc kiểm kê và quản lý tài sản tại Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trường Đại học Vinh.	ThS. Nguyễn Thị Nhã , Tổ trưởng Trung tâm THPT	
23.	Ứng dụng Google Drive trong công tác xây dựng, thẩm định và tổng hợp Kế hoạch Trường Đại học Vinh	ThS. Trần Thị Thu Liên , Kế toán viên Phòng KH-TC	
24.	Quy trình thu nộp học phí các hệ đào tạo bằng hình thức online qua hệ thống các tài khoản định danh của ngân hàng tương ứng với các hệ đào tạo áp dụng cho tất cả các bậc, đóng phòng thu học phí bằng tiền mặt trong khuôn viên nhà trường đã thực hiện từ năm 2012 đến nay	ThS. Đinh Thế Phú , Phó Trưởng phòng KH-TC; ThS. Nguyễn Bắc Giang , CV Phòng KH-TC (30%); ThS. Nguyễn Thị Trà Giang , KTV Phòng KH-TC (30%)	

Danh sách có 24 sáng kiến./.